

Bản án số: 82/2020/HN&GD-ST

Ngày 09/6/2020.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Cao Thị Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Công Kiều.

Bà Phan Thị Hương.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hường - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị H, sinh năm 1998.

HKTT: Thôn Th, xã Th, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ở hiện nay: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Thanh hoá

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn Tr, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Th, xã Th, huyện L, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2020, bản tự khai của nguyên đơn chị Lê Thị H thể hiện như sau:*

Chị Lê Thị H và anh Trịnh Văn Tr kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới và UBND xã Th, huyện L cấp đăng ký kết hôn năm 2016. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau nên chị không thể chịu đựng được. Tháng 03/2019 chị đem con về nhà bố mẹ để sống cho đến nay mỗi người sống mỗi nơi không còn ai quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng thực sự cũng không thể hàn gắn được nữa, mặc dù gia đình hai bên cũng đã hòa giải dàn xếp. Nay chị xét thấy tình cảm giữa chị với anh Tr thực sự không còn, không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Tr.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Thị Hồng L, sinh ngày 30/9/2016. Nguyên vọng của chị H ly hôn được trực tiếp nuôi con và không đề nghị anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai, biên bản hoà giải của bị đơn anh Trịnh Văn Tr thể hiện như sau:*

Anh và chị Lê Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới và UBND xã Th, huyện L cấp đăng ký kết hôn năm 2016. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chời bời, nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cô H bỏ về nhà bố mẹ để ở khi anh đến thì bố mẹ vợ có khuyên bảo nhưng do bức xúc nên anh đã chửi lại bố mẹ vợ từ đó vợ chồng ngày càng mâu thuẫn và cô H đã làm đơn ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ, nuôi dạy con cái.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Trịnh Thị Hồng L, sinh ngày 30/9/2016. Nguyên vọng của anh mong muốn chị H quay trở về đoàn tụ, nuôi dạy con cái nên không có ý kiến về việc giao con cho chị H nuôi dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua biên bản xác minh ngày 04 tháng 5 năm 2020 tại UBND xã Th: Chị Lê Thị H và anh Trịnh Văn Tr kết hôn với nhau năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện L. Trong quá trình chung sống ở địa phương vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Tháng 02/2020 chị H bỏ về nhà bố mẹ để ở và làm đơn ly hôn, do

chị H đã có đơn gửi UBND xã không hoà giải nên chính quyền địa phương không tổ chức hoà giải. Hiện nay anh Tr đang có mặt tại địa phương và sống với mẹ đẻ.

Về con chung: Chị H và anh Tr có một con chung là Trịnh Thị Hồng L, sinh ngày 30/9/2016 hiện nay cháu đang sống cùng với chị H.

Tài sản: Vợ chồng chị H, anh Tr sau khi cưới sống cùng mẹ anh Tr là bà Phạm Thị Ch ở thôn Th, xã Th, huyện L.

Nay chị H có đơn ly hôn anh Tr, phía địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị H, bị đơn anh Trịnh Văn Tr đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Các đương sự không thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện chị Lê Thị H, cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Trịnh Văn Tr.

Về con: Giao cháu Trịnh Thị Hồng L cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Tr có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản và công nợ: Chị Lê Thị H và anh Trịnh Văn Tr không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Lê Thị H khởi kiện ly hôn anh Trịnh Văn Tr có nơi cư trú tại thôn Th, xã Th, huyện L, tỉnh Thanh Hoá. Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị H, bị đơn anh Trịnh Văn Tr đã có bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhận quyết định đưa vụ án ra xét xử và đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị H và anh Trịnh Văn Tr.

[3] Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Trịnh Văn Tr kết hôn năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện L, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Tr là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh Tr: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được ba năm xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Tr nghiện ma túy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra những bất đồng quan điểm, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở do tình cảm vợ chồng ngày càng dạn nứt và không có khả năng hàn gắn được nữa. Chị H làm đơn ly hôn vì xét thấy tình cảm thực sự không còn, anh Tr không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng quay trở về đoàn tụ, nuôi dạy con cái. Quá trình giải quyết Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng chị H vẫn cương quyết xin ly hôn, anh Tr cũng không có giải pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh Tr đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ và phù hợp với tình trạng thực tế hôn nhân hiện nay nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn của chị H xử cho chị H được ly hôn anh Tr.

[2] Về con: Vợ chồng có một con chung là Trịnh Thị Hồng L, sinh ngày 30/9/2016. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng tiền nuôi con chung, anh Tr không có ý kiến gì về việc nuôi con. Xét thấy nguyện vọng của chị H là chính đáng vì hiện nay cháu còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ nên giao cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chấp nhận việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị H.

[3] Về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về án phí: Chị Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 51, Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị H.

*Về hôn nhân:* Chị Lê Thị H được ly hôn anh Trịnh Văn Tr

*Về con:* Chị Lê Thị H và anh Trịnh Văn Tr có 01 con chung là cháu Trịnh Thị Hồng L, sinh ngày 30/9/2016. Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trịnh Thị Hồng L cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành; anh Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng:* Chị Lê Thị H không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản và công nợ:* Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Chị Lê Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0007900 ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc (Chị H đã nộp đủ tiền án phí).

*Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Về quyền kháng cáo: Chị H, anh Tr có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa.
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Hậu Lộc.
- Chi cục THADS huyện Hậu Lộc.
- UBND xã Thành Lộc.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Cao Thị Nga**